

Số: /2024/TT-BKHCHN

Hà Nội, ngày tháng năm 2024

DỰ THẢO 1

THÔNG TƯ

Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 23/2023/TT-BKHCHN ngày 30 tháng 11 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chi tiết một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ và biện pháp thi hành Nghị định số 65/2023/NĐ-CP ngày 23 tháng 8 năm 2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, bảo vệ quyền sở hữu công nghiệp, quyền đối với giống cây trồng và quản lý nhà nước về sở hữu trí tuệ liên quan đến thủ tục xác lập quyền sở hữu công nghiệp và bảo đảm thông tin sở hữu công nghiệp

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ ngày 29 tháng 11 năm 2005; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 19 tháng 6 năm 2009; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật kinh doanh bảo hiểm, Luật sở hữu trí tuệ ngày 14 tháng 6 năm 2019; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 16 tháng 6 năm 2022;

Căn cứ Nghị định số 65/2023/NĐ-CP ngày 23 tháng 8 năm 2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, bảo vệ quyền sở hữu công nghiệp, quyền đối với giống cây trồng và quản lý nhà nước về sở hữu trí tuệ liên quan đến thủ tục xác lập quyền sở hữu công nghiệp và bảo đảm thông tin sở hữu công nghiệp;

Căn cứ Nghị định số 28/2023/NĐ-CP ngày 02 tháng 6 năm 2023 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Khoa học và Công nghệ;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Sở hữu trí tuệ và Vụ trưởng Vụ Pháp chế;

Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ ban hành Thông tư sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 23/2023 ngày 30 tháng 11 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chi tiết một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ và biện pháp thi hành Nghị định số 65/2023/NĐ-CP ngày 23 tháng 8 năm 2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, bảo vệ quyền sở hữu công nghiệp, quyền đối với giống cây trồng và quản lý nhà nước về sở hữu trí tuệ liên quan đến thủ tục xác lập quyền sở hữu công nghiệp và bảo đảm thông tin sở hữu công nghiệp (sau đây gọi tắt là Thông tư số 23/2023/TT-BKHCHN).

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 23/2023/TT-BKHCHN

1. Bổ sung khoản 3a vào sau khoản 3 Điều 3 như sau:

3a) Cục Sở hữu trí tuệ được hiểu là Cục Sở hữu trí tuệ hoặc các đơn vị trực thuộc Cục Sở hữu trí tuệ có chức năng, nhiệm vụ trong xử lý đơn đăng ký xác lập quyền sở hữu công nghiệp và thu phí, lệ phí liên quan đến việc xử lý đơn đó.

2. Sửa đổi, bổ sung câu mũ của khoản 2, khoản 3 và bổ sung khoản 4 vào sau khoản 3 Điều 10 như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung câu mũ của khoản 2 như sau:

“2. Thời hạn công bố đơn đăng ký sáng chế, kiểu dáng công nghiệp, nhãn hiệu, chỉ dẫn địa lý như sau:”

b) Sửa đổi, bổ sung khoản 3 như sau:

“3. Nội dung thông tin được công bố trên Công báo sở hữu công nghiệp gồm các thông tin liên quan đến đơn hợp lệ về mặt hình thức ghi trong quyết định chấp nhận đơn hợp lệ (bao gồm cả số quyết định và ngày quyết định) và các thông tin dưới đây:

a) Đối với đơn *đăng ký* sáng chế: tên, quốc tịch của tác giả sáng chế; các thông tin liên quan đến đơn hợp lệ (chuyển đổi đơn, tách đơn, số đơn ban đầu của đơn tách/đơn chuyển đổi v.v.); *bản mô tả sáng chế*, bản tóm tắt sáng chế; hình vẽ đặc trưng kèm theo bản tóm tắt (nếu có); ngày yêu cầu thẩm định nội dung (nếu có); ngày yêu cầu công bố sớm (nếu có); phân loại quốc tế sáng chế; và các thông tin khác (nếu có).

b) Đối với đơn *đăng ký* kiểu dáng công nghiệp: tên, quốc tịch của tác giả kiểu dáng công nghiệp; các thông tin liên quan đến đơn hợp lệ (tách đơn, số đơn gốc của đơn tách v.v.); bộ ảnh chụp hoặc bản vẽ kiểu dáng công nghiệp; số phương án yêu cầu bảo hộ; phân loại quốc tế kiểu dáng công nghiệp; và các thông tin khác (nếu có).

c) Đối với đơn *đăng ký* nhãn hiệu: mẫu nhãn hiệu và danh mục hàng hoá, dịch vụ mang nhãn hiệu; các thông tin liên quan đến đơn hợp lệ (chuyển đổi đơn, tách đơn, số đơn gốc của đơn tách v.v.); phân loại quốc tế hàng hóa, dịch vụ; và các thông tin khác (nếu có); quy chế sử dụng (đối với nhãn hiệu tập thể, nhãn hiệu chứng nhận).

d) Đối với đơn *đăng ký* chỉ dẫn địa lý: tóm tắt tính chất đặc thù của sản phẩm mang chỉ dẫn địa lý và tên sản phẩm mang chỉ dẫn địa lý; và các thông tin khác (nếu có).”

c) Bổ sung khoản 4 vào sau khoản 3 như sau:

“4. Công báo Sở hữu công nghiệp được xuất bản dưới hình thức Công báo in và Công báo điện tử.”

3. Sửa đổi, bổ sung khoản 4 Điều 11 như sau:

“4. Trên cơ sở thông tin, chứng cứ, lập luận do các bên cung cấp (nếu có) theo quy định tại khoản 1 và 3 Điều này hoặc/và kết quả đối thoại giữa các bên theo quy định tại khoản 7 Điều này và tài liệu có trong đơn, Cục Sở hữu trí tuệ

xử lý ý kiến phản đối và thông báo kết quả xử lý ý kiến phản đối cùng với kết quả thẩm định nội dung đơn tương ứng cho người phản đối. *Trường hợp đơn đăng ký sở hữu công nghiệp bị rút hoặc được coi như bị rút trước khi Cục Sở hữu trí tuệ hoàn thành việc thẩm định nội dung theo quy định, Cục Sở hữu trí tuệ thông báo cho người phản đối đơn đăng ký sở hữu công nghiệp về việc này trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày đơn được xác định ở tình trạng nêu trên.*”

4. Sửa đổi, bổ sung điểm g khoản 13 Điều 26 như sau:

“g) Nếu *kết thúc thời hạn quy định tại điểm d khoản này mà người nộp đơn không có ý kiến hoặc không có văn bản đồng ý và nộp phí, lệ phí theo quy định hoặc* kết thúc thời hạn quy định tại điểm c, điểm e khoản này mà người nộp đơn không nộp đủ lệ phí cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu, phí công bố và phí đăng bạ quyết định cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu ~~trong thời hạn quy định tại điểm c và điểm e khoản này~~ thì trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày kết thúc thời hạn tương ứng, Cục Sở hữu trí tuệ ra quyết định từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu”.

5. Sửa đổi, bổ sung điểm c và bổ sung điểm d vào sau điểm c khoản 4 Điều 30 như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung điểm c như sau:

“c) Việc đánh giá chỉ dẫn địa lý theo các điều kiện bảo hộ nêu tại các điểm a và b khoản này được thực hiện trên cơ sở các thông tin do người nộp đơn cung cấp và trên cơ sở các thông tin tìm thấy được từ nguồn thông tin tối thiểu quy định tại khoản 3 Điều này *trừ trường hợp được quy định tại điểm d khoản này.*”

b) Bổ sung điểm d vào sau điểm c như sau:

“d) Trong trường hợp các thông tin được nêu tại điểm c khoản này chưa đủ để đánh giá các điều kiện bảo hộ nêu tại điểm a khoản này, Cục Sở hữu trí tuệ có thể thành lập Hội đồng tư vấn chỉ dẫn địa lý theo lĩnh vực cụ thể và/hoặc có thể thực hiện việc khảo sát thực tế bổ sung.

Hội đồng tư vấn chỉ dẫn địa lý được tổ chức và hoạt động theo Quy chế do Cục Sở hữu trí tuệ ban hành.”

6. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 và 2 vào Điều 33 như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung khoản 1 như sau:

“1. Mọi quyết định cấp văn bằng bảo hộ, quyết định chấp nhận bảo hộ đăng ký quốc tế kiểu dáng công nghiệp, quyết định chấp nhận bảo hộ nhãn hiệu đăng ký quốc tế ~~đều~~ được Cục Sở hữu trí tuệ công bố trên Công báo sở hữu công nghiệp trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày ra quyết định và người nộp đơn phải nộp phí công bố theo quy định.”

b) Sửa đổi, bổ sung khoản 2 như sau:

“2. Nội dung thông tin được công bố trên Công báo sở hữu công nghiệp theo quy định tại khoản 1 Điều này gồm thông tin ghi trong quyết định tương ứng (bao gồm cả số quyết định và ngày quyết định) và các thông tin dưới đây:

a) Đối với Bằng độc quyền sáng chế và Bằng độc quyền giải pháp hữu ích: tên, quốc tịch của tác giả sáng chế; *bản mô tả sáng chế*, bản tóm tắt sáng chế; hình vẽ đặc trưng kèm theo bản tóm tắt (nếu có); phân loại quốc tế sáng chế; các thông tin liên quan đến chuyển đổi đơn, tách đơn, số đơn ban đầu của đơn tách/đơn chuyển đổi v.v. (nếu có); và các thông tin khác (nếu có);”

7. Sửa đổi, bổ sung tên Chương V như sau:

“Chương V

BẢO ĐẢM THÔNG TIN VỀ QUYỀN SỞ HỮU CÔNG NGHIỆP”

8. Bổ sung Điều 41a vào sau Điều 41 như sau:

“Điều 41a. Các biện pháp bảo đảm thông tin về quyền sở hữu công nghiệp

Cục Sở hữu trí tuệ có trách nhiệm thực hiện các biện pháp bảo đảm thông tin về quyền sở hữu công nghiệp dưới đây phục vụ việc sử dụng độc quyền của các chủ sở hữu văn bằng bảo hộ:

1. Duy trì hệ thống hạ tầng công nghệ thông tin để phục vụ các hoạt động bảo đảm thông tin về quyền sở hữu công nghiệp

2. Xây dựng và duy trì cơ sở dữ liệu quốc gia về sở hữu công nghiệp theo quy định tại Điều 42.

3. Thực hiện các hoạt động phổ biến thông tin về quyền sở hữu công nghiệp, bao gồm cung cấp thông tin về quyền sở hữu công nghiệp theo các văn bằng được cấp, phổ biến pháp luật về phạm vi quyền của chủ sở hữu văn bằng, bồi dưỡng, tập huấn kiến thức và kỹ năng cần thiết cho các tổ chức, cá nhân về việc xác lập, khai thác và quản lý các quyền sở hữu công nghiệp, tôn trọng quyền sở hữu công nghiệp.

9. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 42 như sau:

“1. Cục Sở hữu trí tuệ có trách nhiệm:

a) Thực hiện việc xây dựng, quản lý các cơ sở dữ liệu thông tin sở hữu công nghiệp, xây dựng các công cụ phân loại, tra cứu thông tin sở hữu công nghiệp.

b) Tổ chức việc hướng dẫn cách tra cứu và sử dụng thông tin sở hữu công nghiệp trong và ngoài nước *cho người dùng tin.*

c) Tổ chức việc cung ứng thông tin đầy đủ, kịp thời, chính xác, bảo đảm khả năng tiếp cận các cơ sở dữ liệu thông tin cho các đối tượng có nhu cầu dùng tin phục vụ các hoạt động xác lập và bảo vệ quyền sở hữu công nghiệp, nghiên cứu, phát triển và kinh doanh.

d) Xây dựng mạng lưới hỗ trợ phổ biến và khai thác thông tin sở hữu công nghiệp cho các địa phương, các viện nghiên cứu, trường đại học và doanh nghiệp.

e) Quản lý và tổ chức thực hiện việc chia sẻ, kết nối, khai thác, hợp tác quốc tế và các hoạt động khác liên quan đến cơ sở dữ liệu quốc gia về sở hữu công nghiệp.”

10. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 43 như sau:

“2. Sử dụng dịch vụ tra cứu, *tìm kiếm, phân tích thông tin hoặc dịch vụ cung cấp thông tin*, tư liệu *do Cục Sở hữu trí tuệ thực hiện*, với điều kiện phải trả chi phí theo quy định.”

11. Sửa đổi, bổ sung Điều 44 như sau:

“Cục Sở hữu trí tuệ tổ chức thực hiện dịch vụ tra cứu, *tìm kiếm, phân tích thông tin và dịch vụ cung cấp thông tin*, tư liệu cho tổ chức, cá nhân có nhu cầu quy định tại khoản 2 Điều 43 của Thông tư này.”

Điều 2: Thay thế, bãi bỏ một số từ, cụm từ, điểm, khoản, điều của Thông tư số 23/2023/TT-BKHCN:

1. Thay cụm từ “quyền nộp đơn” thành “quyền đăng ký” tại điểm a khoản 5 Điều 11;
2. Thay cụm từ “Điều 27” thành “Điều 24” tại điểm b khoản 4 Điều 30;
3. Thêm cụm từ “Điều 3” thành “Điều 5” tại khoản 2 Điều 36;
4. Bãi bỏ điểm đ khoản 13 Điều 26.

Điều 3. Quy định chuyển tiếp

1. Quy định về việc công bố đơn của Thông tư này được áp dụng đối với đơn đăng ký xác lập quyền đã được Cục Sở hữu trí tuệ tiếp nhận trước ngày Thông tư này có hiệu lực nhưng chưa được công bố.
2. Quy định về việc công bố văn bằng bảo hộ của Thông tư này được áp dụng đối với các văn bằng bảo hộ đã được Cục Sở hữu trí tuệ cấp trước ngày Thông tư này có hiệu lực nhưng chưa được công bố.
3. Quy định về việc thẩm định nội dung đơn đăng ký chỉ dẫn địa lý của Thông tư này được áp dụng đối với các đơn đăng ký chỉ dẫn địa lý đã được Cục Sở hữu trí tuệ tiếp nhận nhưng chưa có kết quả thẩm định nội dung đơn.

Điều 4. Trách nhiệm tổ chức thực hiện và hiệu lực thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày tháng năm 202...
2. Cục trưởng Cục Sở hữu trí tuệ, Thủ trưởng các đơn vị thuộc Cục Sở hữu trí tuệ và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này.
3. Trong quá trình thực hiện Thông tư này, nếu có khó khăn, vướng mắc, các cơ quan, tổ chức, cá nhân phản ánh kịp thời bằng văn bản về Bộ Khoa học và Công nghệ để nghiên cứu, hướng dẫn giải quyết./.

BỘ TRƯỞNG***Nơi nhận:***

- Thủ tướng Chính phủ (để b/c);
- Các Phó Thủ tướng Chính phủ (để b/c);
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- Toà án nhân dân tối cao;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Cục Kiểm tra VBQPPL (Bộ Tư pháp);
- Công báo;
- Cổng thông tin điện tử của Chính phủ;
- Cổng thông tin điện tử của Bộ KH&CN;
- Bộ KH&CN: Bộ trưởng, các Thứ trưởng, các đơn vị trực thuộc Bộ;
- Lưu: VT, PC, CNC.